

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2018/HS-ST

Ngày 24-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Hồng Diên

Bà: Lý Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh năm 1965 tại huyện T, thành phố P. Nơi cư trú: Không rõ ràng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/7; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Đào Thị T1 (đã chết); có 03 chồng (đều không có đăng ký kết hôn theo quy định): Nguyễn Văn B (đã chết), Nguyễn Hồng T2 (đã chết), Hán Đình N (đã bỏ đi đâu không biết còn sống hay đã chết), có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1994;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 35/2016/HSST ngày 28-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Y xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30-6-1996 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Biên Phủ xử phạt 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 11-11-2002 bị Tòa án nhân dân

tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 27-5-2004 bị Toà án nhân dân huyện phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 18-01-2007 bị Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 16-3-2008 bị Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tất cả đều đã được xóa án);

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03-02-2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh G, có mặt

- *Người bị hại:*

1- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn P, thị trấn T, huyện Y, tỉnh B. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2- Chị Phan Thị D, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

3- Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn H, xã Y, huyện Q, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 03 tháng 02 năm 2018, Phạm Thị T, sinh năm 1965, sinh quán: huyện T, thành phố P, nơi cư trú không ổn định. Sau khi đi nhờ xe mô tô (Của một người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ) từ tỉnh B đến chợ C, xã Y, huyện Q, tỉnh G, T một mình đi bộ vào trong chợ, mục đích để xem có ai sơ hở sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, khi T đi đến khu vực người dân bán hàng lá dong, T thấy chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, nơi cư trú: thị trấn T, huyện Y, tỉnh B, đeo túi xách màu nâu ngò ở hàng bán lá dong, T tiến đến vị trí chị H đang ngồi, T dùng tay phải kéo móc khóa túi màu nâu, thò tay vào lấy trộm được một chiếc ví giả da màu tím có in hình hoa văn, rồi đứng dậy bỏ đi, trên đường đi T mở ví ra xem thấy có tiền Việt Nam đồng gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau, T mở ra lấy được số tiền 3.350.000đ VNĐ (Ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), và giấu số tiền vừa trộm cắp được vào túi áo bên trái và vút luôn chiếc ví xuống sân chợ cách vị trí lấy trộm khoảng 30 mét. Sau đó T đi vào phía bên trong chợ C quan sát xem có ai sơ hở thì tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T phát hiện thấy chị Phan Thị D, sinh năm 1989, nơi cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh G, đang đứng mua quần áo, T nhìn thấy bên trong túi áo khoác bên trái của chị D có tiền nên tiến lại gần gần vị trí chị D đứng, rồi dùng tay phải thò vào bên trong túi áo lấy trộm được số tiền 1.800.000đ VNĐ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau, T giấu luôn vào túi áo khoác bên trái của T đang mặc, sau đó T tiếp tục quan sát thấy bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn H, xã Y, huyện Q, tỉnh G, có đeo 01 túi xách giả da màu nâu đứng ở gần đó, T tiến lại gần vị trí bà H1 đứng, lợi dụng bà H1 không để ý, T dùng tay phải kéo móc khóa túi xách

và thò tay lấy được số tiền 950.000đ VND (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) sau đó T lại giấu vào túi áo khoác bên trái của T. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản thì bị quần chúng nhân dân phát hiện báo cho Công an xã Y lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi trộm cắp tài sản và thu giữ trên người T tổng số tiền 6.100.000đ VND (Sáu triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

Tại biên bản kết luận giám định trong tố tụng hình sự ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự kết luận: Toàn bộ số tiền 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm nghìn đồng chẵn) là tiền thật, do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 11/CT-VKSBQ ngày 24/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố Phạm Thị T về tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại Nguyễn Thị H Khai: Khoảng 07 giờ ngày 03 tháng 02 năm 2018 chị đi một mình đến xã Y, huyện Q, tỉnh G để bán hạt rau và cây rau giống, đến khoảng 09 giờ cùng ngày chị đi đến hàng bán lá dong để mua lá dong, sau khi chọn được 02 bó lá dong chị đứng lên để lấy tiền trả, khi chị lấy túi xách có đựng ví tiền bên trong để mở khóa lấy ví tiền thì thấy túi xách đã được mở khóa, chị kiểm tra bên trong túi xách thì không thấy còn ví tiền của chị nữa, số tiền chị để trong ví bị mất là 3.350.000 đồng, sau đó chị đi quanh chợ để tìm xem có thấy ví không, đến khoảng 10 giờ cùng ngày chị thấy người phụ nữ trung tuổi, dáng người cao gầy đang mua bánh để ăn, vì lúc chị mua lá dong người phụ nữ lạ mặt này đã ngồi sát cạnh phía bên trái chị nhưng không hỏi mua lá dong sau đó đứng dậy đi lúc nào không biết, chị nghĩ người phụ nữ này đã lấy cắp tiền của chị nên chị đã hỏi “chị móc túi phải không” và người phụ nữ này đã trả lời là “em móc túi”, sau đó người phụ nữ lấy trộm tiền dẫn chị đi nhặt chiếc ví của chị, người phụ nữ này vứt chiếc ví của chị ở gần quầy bán quần áo, sau đó chị báo cơ quan công an lập biên bản, hiện chị đã nhận lại tài sản bị mất trộm và chị không có ý kiến gì về phần dân sự cũng như phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị hại Phan Thị D Khai: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03-02-2018 chị cùng con trai đi mua quần áo tại chợ xã Y, huyện Q, tỉnh G, khi đi chị mang theo số tiền 1.800.000 đồng, số tiền này chị cất giữ vào túi áo khoác bên phải chị mặc, khi đến chợ chị vào gian hàng bán quần áo mua quần áo cho con trai, sau khi lựa chọn xong quần áo, chị lấy tiền để thanh toán thì không thấy, chị nghĩ là đã bị kẻ gian lấy trộm mất số tiền nên chị đã trình báo sự việc với Công an xã Đồng Yên, sau đó đối tượng trộm cắp tiền của chị đã bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ, Công an xã Đồng Yên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với đối tượng đã lấy trộm tiền của chị. Hiện chị đã nhận lại tài sản bị mất trộm và chị không có ý kiến gì về phần dân sự cũng như phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị hại Hoàng Thị H1 Khai: Khoảng 09 giờ ngày 03 tháng 02 năm 2018 chị đi đến chợ Phố Cáo thuộc thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh G để bán vịt, sau khi

bán vịt xong được số tiền là 950.000 đồng, chị đi tìm mua quần áo, sau khi chọn được quần áo chị lấy tiền để trong túi xách ra trả thì không thấy tiền đâu, sau đó chị báo cáo sự việc cho Công an Y, hiện chị đã nhận lại tài sản bị mất trộm và chị không có ý kiến gì về phần dân sự cũng như phần hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Phạm Thị T theo bản cáo trạng.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T: từ 18 đến 24 tháng tù bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đó và phải chịu án phí theo quy định, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về phân trách nhiệm dân sự, vật chứng trong vụ án: Các bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản bị mất, nay không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Q trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Phan Thị D vắng mặt, nhưng trước đó họ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của Phạm Thị T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Công an xã Đồng Yên; biên bản kết luận giám định trong tố tụng hình sự ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự và lời khai của những người bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 03 tháng 02 năm 2018, bị cáo Phạm Thị T đã có hành vi trộm cắp tổng số tiền 6.100.000 đồng của 03 bị hại gồm chị Nguyễn Thị H số tiền 3.350.000 đồng, chị Phan Thị D số tiền 1.800.000 đồng, chị Hoàng Thị H1 số tiền 950.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã

phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền bị cáo đã trộm cắp trong vụ án này là 6.100.000đ VNĐ (Sáu triệu một trăm nghìn đồng chẵn). Cần phải xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý vì vậy bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“Tái phạm”* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 30-6-1996 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Biên Phủ xử phạt 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 11-11-2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 27-5-2004 bị Tòa án nhân dân huyện phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 18-01-2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 16-3-2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Mặc dù đã được xóa án, nhưng bị cáo không những không biết tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản trộm cắp đã được trả lại cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên cũng được xem xét khi áp dụng mức hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra bị hại là chị Nguyễn Thị H, chị Phan Thị D và chị Hoàng Thị H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với những vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ, tại giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho các bị hại, Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 03-02-2018).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh G;

- VKSND huyện Q;

- Công an huyện Q (02 bản);

- Chi cục THADS huyện Q;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

Hà Tuấn Vĩnh